

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-5-2019

“V/v ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Vũ;
2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2019 về việc “*Ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Kim K, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp C, xã Ph, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp C, xã Ph, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Kim K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông T chung sống từ năm 1990, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Bà K yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 03 người con chung tên Nguyễn Hoàng D, giới tính nam, sinh ngày 25/01/1990 hiện đang đi làm ở TP. M và Nguyễn Hoàng D1, giới tính nam, sinh ngày 19/7/1995 hiện đang đi làm ở TP.Th và Nguyễn Huy B, giới tính nam, sinh ngày 19/5/2003 hiện đang sống chung với bà

K. Nguyễn Hoàng D và Nguyễn Hoàng D1 đã trưởng thành, còn lại Nguyễn Huy B, bà K yêu cầu được nuôi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung bà K, ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Ông bà không nợ ai.

Tại bản tự khai đề ngày 25/4/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà K chung sống từ năm 1990 đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, bà K yêu cầu ly hôn, ông T thống nhất ly hôn.

Về con chung: Ông T và bà K có 03 người con chung tên Nguyễn Hoàng D, giới tính nam, sinh ngày 25/01/1990 hiện đang đi làm ở TP. M và Nguyễn Hoàng D1, giới tính nam, sinh ngày 19/7/1995 hiện đang đi làm ở TP. Th và Nguyễn Huy B, giới tính nam, sinh ngày 19/5/2003 hiện đang sống chung với bà K. Hai con đã trưởng thành, còn lại Nguyễn Huy B, ông T đồng ý giao cho bà K nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung: Ông T, bà K tự thỏa thuận, không yêu cầu; Về nợ chung: Ông T, bà K không nợ ai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Kim K và ông Nguyễn Văn T; Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Huy B, sinh ngày 19/05/2003 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T có quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản; Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Bà K yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn và nuôi con”.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà K và ông T sống chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1990 nhưng đến nay không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà K có yêu cầu ly hôn; ông T đồng ý ly hôn nên căn cứ các Điều 9,

14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Kim K và ông Nguyễn Văn T.

[4] *Về con chung*: Bà K và ông T có 03 người con chung nhưng có hai con đã trưởng thành. Còn lại Nguyễn Huy B, giới tính nam, sinh ngày 19/5/2003 hiện đang sống chung với bà K. Bà K yêu cầu được nuôi cháu B; ông T thống nhất giao cháu B cho bà K nuôi; cháu B có nguyện vọng sống với bà K và qua xác minh ở địa phương được biết bà K đủ điều kiện nuôi con. Do đó, áp dụng các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà K, ông T và nguyện vọng của cháu B giao cháu Nguyễn Huy B cho bà Nguyễn Kim K trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Về tài sản chung: Ông T, bà K tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét; Về nợ chung: Bà K, ông T khai không nợ ai.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà K là Nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Kim K và ông Nguyễn Văn T.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Huy B, sinh ngày 19/5/2003 (hiện đang sống với bà K) cho bà Huỳnh Kim K trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét; Về nợ chung: Bà K, ông T khai không nợ ai.

4. *Về án phí sơ thẩm:* Bà Huỳnh Kim K là Nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu 0000022 ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Ph;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Vũ